

Số: 53976 /CT-TTHT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2018

V/v ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp  
chế xuất, cách phân bổ chi phí giữa hai  
loại hình thương mại và chế xuất

Kính gửi: Công ty TNHH NEO S Việt Nam  
(Địa chỉ: số 6 lô 2, KCN Quang Minh II, xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, TP Hà  
Nội - MST: 0108131199)

Trả lời công văn số 01/CV/NEOS ngày 14/5/2018 của Công ty TNHH  
NEO S Việt Nam (sau đây gọi tắt là công ty) đề nghị hướng dẫn về ưu đãi thuế  
đối với doanh nghiệp chế xuất và cách phân bổ chi phí giữa hai loại hình hoạt  
động thương mại và chế xuất. Về vấn đề này, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến  
như sau:

**1. Về kê khai, hạch toán chi phí đối với hai loại hình hoạt động chế  
xuất và thương mại**

- Căn cứ Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy  
định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua  
bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của  
nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam  
(có hiệu lực thi hành từ ngày 15/1/2018)

+ Tại Điều 3 quy định:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến  
mua bán hàng hóa bao gồm các hoạt động sau đây:

- a) Thực hiện quyền xuất khẩu;
- b) Thực hiện quyền nhập khẩu;
- c) Thực hiện quyền phân phối;

2. Quyền xuất khẩu là quyền mua hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu,  
bao gồm quyền đứng tên trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu để thực hiện và chịu  
trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến xuất khẩu. Quyền xuất khẩu không bao  
gồm quyền mua hàng hóa từ các đối tượng không phải là thương nhân để xuất  
khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là  
thành viên có quy định khác.

3. Quyền nhập khẩu là quyền được nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài  
vào Việt Nam để bán cho thương nhân có quyền phân phối hàng hóa đó tại Việt  
Nam, bao gồm quyền đứng tên trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu để thực hiện và  
chịu trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến nhập khẩu. Quyền nhập khẩu  
không bao gồm quyền tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại  
Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt  
Nam là thành viên có quy định khác.



4. Phân phối là các hoạt động bán buôn, bán lẻ, đại lý bán hàng hóa và nhượng quyền thương mại.

5. Quyền phân phối là quyền thực hiện trực tiếp các hoạt động phân phối.

6. Bán buôn là hoạt động bán hàng hóa cho thương nhân bán buôn, thương nhân bán lẻ và thương nhân, tổ chức khác; không bao gồm hoạt động bán lẻ.

7. Bán lẻ là hoạt động bán hàng hóa cho cá nhân, hộ gia đình, tổ chức khác để sử dụng vào mục đích tiêu dùng."

+ Tại Điều 5 quy định về cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

+ Tại Điều 6 quy định về các trường hợp không phải cấp Giấy phép kinh doanh.

- Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế (có hiệu lực thi hành từ ngày 10/7/2018).

+ Tại Khoản 5 Điều 30 quy định:

"5. Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa các khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất với các khu vực khác trên lãnh thổ Việt Nam, không phải khu phi thuế quan, là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và các trường hợp không làm thủ tục hải quan do Bộ Tài chính quy định.

Doanh nghiệp chế xuất được bán vào thị trường nội địa tài sản thanh lý của doanh nghiệp và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và thương mại. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản."

+ Tại Khoản 7 Điều 30 quy định:

"7. Doanh nghiệp chế xuất khi được phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam phải mở sổ kế toán hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam và bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa ngăn cách với khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp chế xuất hoặc thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất để thực hiện hoạt động này."

- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:

"Điều 2. Phạm vi thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được tiến hành các hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định của Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan."

- Căn cứ Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

+ Tại Khoản 6 Điều 3 Chương I quy định về người nộp thuế:

*"Điều 3. Người nộp thuế"*

*6. Chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất được thành lập để hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.*

*Ví dụ 1: Công ty TNHH Sanko là doanh nghiệp chế xuất. Ngoài hoạt động sản xuất để xuất khẩu Công ty TNHH Sanko còn được cấp phép thực hiện quyền nhập khẩu để bán ra hoặc để xuất khẩu, Công ty TNHH Sanko phải thành lập chi nhánh để thực hiện hoạt động này theo quy định của pháp luật thì Chi nhánh hạch toán riêng và kê khai, nộp thuế GTGT riêng đối với hoạt động này, không hạch toán chung vào hoạt động sản xuất để xuất khẩu.*

*Khi nhập khẩu hàng hóa để thực hiện phân phối (bán ra), Chi nhánh Công ty TNHH Sanko thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu và khi bán ra (bao gồm cả xuất khẩu), Công ty TNHH Sanko sử dụng hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định."*

+ Tại Khoản 20 Điều 4 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT:

*"Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT"*

*20. ...Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập và được hưởng các ưu đãi về thuế như khu phi thuế quan theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá giữa các khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu..."*

+ Tại Điều 9 quy định về thuế suất 0%:

*"Điều 9. Thuế suất 0%*

*1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.*

*Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.*

*..."*

- Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định loại và hình thức hóa đơn:

*"Điều 3. Loại và hình thức hóa đơn"*



2. Các loại hóa đơn:

b) Hóa đơn bán hàng dùng cho các đối tượng sau đây:

...

- Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan" (mẫu số 5.3 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

Ví dụ:

- Doanh nghiệp C là doanh nghiệp chế xuất bán hàng vào nội địa và bán hàng hóa ra nước ngoài (ngoài lãnh thổ Việt Nam) thì sử dụng hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan"

- Căn cứ Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC quy định:

"1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC như sau:

"2. Các loại hóa đơn:

...

b) Hóa đơn bán hàng dùng cho các đối tượng sau đây:

...

- Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan" (mẫu số 5.3 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

Ví dụ:

- Doanh nghiệp C là doanh nghiệp chế xuất bán hàng vào nội địa và bán hàng hóa ra nước ngoài (ngoài lãnh thổ Việt Nam) thì sử dụng hóa đơn bán hàng khi bán vào nội địa, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan"; khi bán hàng hóa ra nước ngoài (ngoài lãnh thổ Việt Nam), doanh nghiệp C không cần lập hóa đơn bán hàng."

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp công ty là doanh nghiệp chế xuất khi được phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam thì phải mở sổ kế toán hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam để kê khai, nộp thuế riêng đối với hoạt động này, không hạch toán chung với hoạt động sản xuất để xuất khẩu; công ty phải bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa ngăn cách với khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp chế xuất hoặc thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất để thực hiện hoạt động này. Các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký thuế, đăng ký thành lập chi nhánh (nếu có) của công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp thực hiện tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội.

- Khi công ty bán hàng vào nội địa thì công ty sử dụng hóa đơn bán hàng và kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.



- Khi công ty xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài thì công ty thực hiện thủ tục xuất khẩu như các doanh nghiệp nội địa khác có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện xuất khẩu theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Đề nghị công ty căn cứ vào tình hình thực tế, đối chiếu với các văn bản đã được trích dẫn trên đây để thực hiện đúng quy định.

## **2. Về ưu đãi thuế TNDN**

- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Tại Khoản 3 Điều 10 quy định:

*“3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:*

*“5. Về dự án đầu tư mới:*

*a) Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP là:*

*- Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu từ ngày 01/01/2014 và phát sinh doanh thu của dự án đó sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.*

*- Dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ ngày 01/01/2014.*

*- Dự án đầu tư độc lập với dự án doanh nghiệp đang hoạt động (kể cả trường hợp dự án có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện) có Giấy chứng nhận đầu tư từ ngày 01/01/2014 để thực hiện dự án đầu tư độc lập này.*

*- Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.*

*Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.*

*b) Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện đầu tư mới không bao gồm các trường hợp sau:*

*- Dự án đầu tư hình thành từ việc: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;*

*- Dự án đầu tư hình thành từ việc chuyển đổi chủ sở hữu (bao gồm cả trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới nhưng vẫn kế thừa tài sản, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cũ để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh; mua lại dự án đầu tư đang hoạt động).*

*Doanh nghiệp thành lập hoặc doanh nghiệp có dự án đầu tư từ việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, chia, tách, sáp nhập, hợp*



nhất được kế thừa các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư trước khi chuyển đổi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất trong thời gian còn lại nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

...

- Căn cứ Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN.

+ Tại Khoản 1 Điều 18 quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN:

*"Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp*

*1. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai."*

+ Tại Khoản 3 Điều 20 (đã được sửa đổi, bổ sung từ 15/11/2014 theo Điều 6 Thông tư 151/2014/TT-BTC) quy định:

*"3. Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp (trừ Khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi).*

*Địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi quy định tại khoản này là các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh, không bao gồm các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01/01/2009; trường hợp khu công nghiệp nằm trên cả địa bàn thuận lợi và địa bàn không thuận lợi thì việc xác định ưu đãi thuế đối với khu công nghiệp căn cứ vào vị trí thực tế của dự án đầu tư trên thực địa.*

*Việc xác định đô thị loại đặc biệt, loại I quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ quy định về phân loại đô thị và văn bản sửa đổi Nghị định này (nếu có)".*

+ Tại Khoản 4 Điều 20 (đã được sửa đổi, bổ sung từ 06/8/2015 theo khoản 2 Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC) quy định:

*"4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu."*

+ Tại Điều 22 quy định về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN như sau:

*"Điều 22. Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.*

*Cơ quan thuế khi kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp phải kiểm tra các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, số thuế thu nhập doanh nghiệp được*



miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế theo đúng điều kiện thực tế mà doanh nghiệp đáp ứng được. Trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.”

- Căn cứ hồ sơ tài liệu do công ty cung cấp.

Căn cứ các quy định trên và hồ sơ tài liệu do công ty cung cấp, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty TNHH NEO S Việt Nam thành lập từ dự án đầu tư được Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4383275896 lần đầu ngày 22/12/2017 đáp ứng điều kiện dự án đầu tư mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC, dự án thực hiện tại địa bàn Khu công nghiệp Quang Minh II, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP Hà Nội (không nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi) thì thu nhập của công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện địa bàn ưu đãi, cụ thể như sau: Miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.

Các ưu đãi về thuế TNDN nêu trên chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế TNDN theo kê khai. Căn cứ tình hình thực tế công ty đáp ứng các điều kiện ưu đãi, công ty tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trường hợp còn vướng mắc đề nghị công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 – 187 Giảng Võ để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH NEO S Việt Nam được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6; 2)



Mai Sơn